

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Văn Đạt - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 tháng 5 và 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, thông báo dời phiên tòa số 54/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lộc Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Trương Hồng T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lộc Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T tự nguyện chung sống với ông Trương Hồng T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2007. Thời gian chung sống từ khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do, tính tình không hợp, ông T hay bài bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, xúc phạm bà T nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2015 đến nay thì

mâu thuẫn càng thêm trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn mâu thuẫn và sống chung được nữa nên bà T xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 25/4/2007 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 07/5/2012, hiện hai con đang sống chung với ông T. Khi ly hôn bà T xin được nuôi hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và hiện bà T không mang thai.

Về tài sản chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông T không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn và thời gian sống ly thân. về thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn ông T không thống nhất. Theo ông T trong thời gian chung sống vợ chồng có cãi nhau nhưng chỉ khoảng 03 lần, trước đây ông T có đánh bà nhưng không thường xuyên và hiện ông đã sửa sai, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án ông T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên nay bà T cương quyết xin ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng chỉ có 02 con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 25/4/2007 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 07/5/2012, hiện đang sống chung với ông T. Nay các con có nguyện vọng được sống chung với mẹ thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Ông T cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lộc Thị T

+ Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T

+ Về con chung: Giao 02 con tên Trương Hoàng T, sinh ngày 25/4/2007 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 07/5/2012 cho bà T nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét

+ Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Bà Lộc Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung với ông Trương Hồng T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông T cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 01/6/2007 của Ủy ban nhân dân xã L, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất có mâu thuẫn trong thời gian sống chung và đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn với bà T. Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Bà T và ông T thống nhất vợ chồng có hai con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 25/4/2007 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 07/5/2012. Khi ly hôn bà T xin được nuôi dưỡng cả 02 con còn ông T đề nghị giải quyết theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù hiện cháu Hoàng T và Cẩm T đang sống với ông T nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2020 và tại phiên tòa cháu Hoàng T và cháu Cẩm T đều có nguyện vọng được ở với bà T, nên xét thấy cần giao hai cháu Hoàng T và Cẩm T cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

[6] Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lộc Thị T và ông Trương Hồng T

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 25/4/2007 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 07/5/2012 cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Buộc bà T chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000727 ngày 27/12/2019.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên